

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2019

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ
KẾ HOẠCH SXKD, ĐẦU TƯ NĂM 2019**

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018:

Cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, khó lường. Năm 2018 GDP Việt Nam đạt mốc 7,08% cao nhất trong 11 năm qua, nhưng với quy mô kinh tế nhỏ, việc ứng phó với các biến động trong tương lai của Việt Nam được dự báo sẽ gặp khó khăn hơn bởi dư địa tài chính, tiền tệ hạn hẹp. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng 8,85%. Tuy nhiên, ở khía cạnh xây dựng hạ tầng giao thông trong nước còn nhiều việc phải làm. Yêu cầu nguồn vốn xây dựng cơ sở giao thông đồng bộ để đáp ứng nhu cầu vận chuyển cũng như đi lại cho nền kinh tế đang tăng trưởng mạnh và có chiều sâu như Việt Nam là rất lớn. Hiện tại Chính phủ mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu vốn, cần sự tham gia góp vốn đầu tư từ khối kinh tế tư nhân vào lĩnh vực giao thông rất nhiều. Các chính sách tích cực, khuyến khích sự tham gia từ lĩnh vực kinh tế tư nhân ngày càng hoàn thiện. Tuy vậy vẫn còn đang vướng mắc một số mặt về thủ tục hành lang pháp lý cũng như phản ánh đánh giá của người dân về tính hiệu quả, hợp lý của các dự án BOT, BT, PPP. Việc này đã tạo sự ngưng trệ tại một số dự án trọng điểm đang và trong kế hoạch triển khai, tác động khó khăn nhất định lên các doanh nghiệp đầu tư cũng như doanh nghiệp thi công lĩnh vực xây dựng giao thông.

Không nằm ngoài khó khăn chung trong lĩnh vực kinh doanh của mình, năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty Licogi 166 cũng chứng lại và gặp nhiều khó khăn. Kết quả kinh doanh vẫn đạt lợi nhuận dương nhưng chưa đạt yêu cầu kế hoạch đề ra. Cụ thể:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

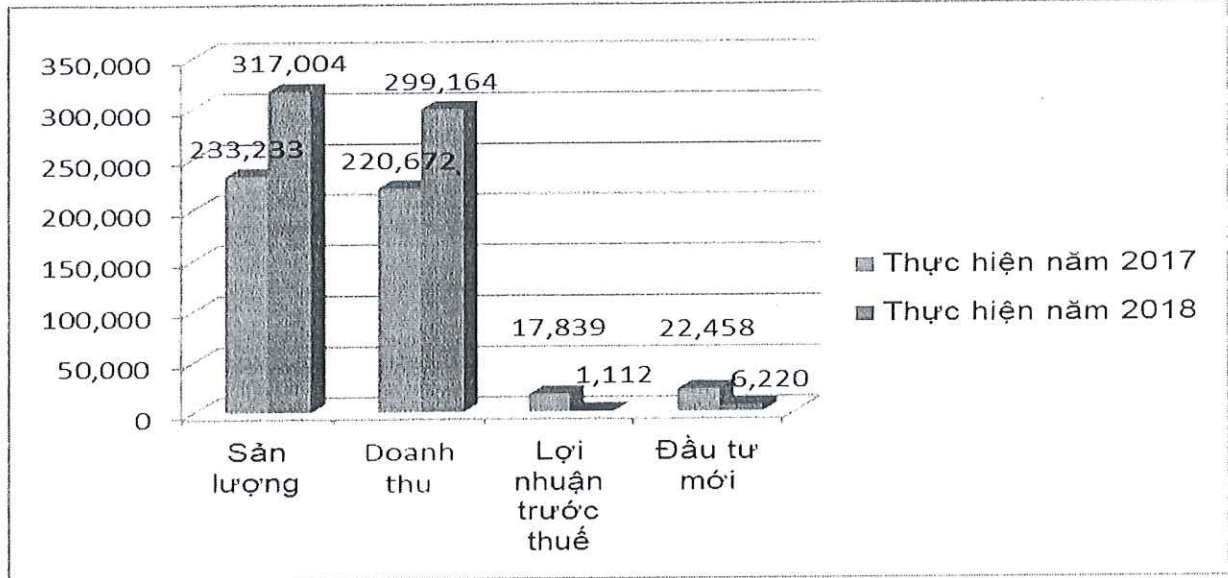
Kết quả Sản xuất kinh doanh

Tỷ đồng

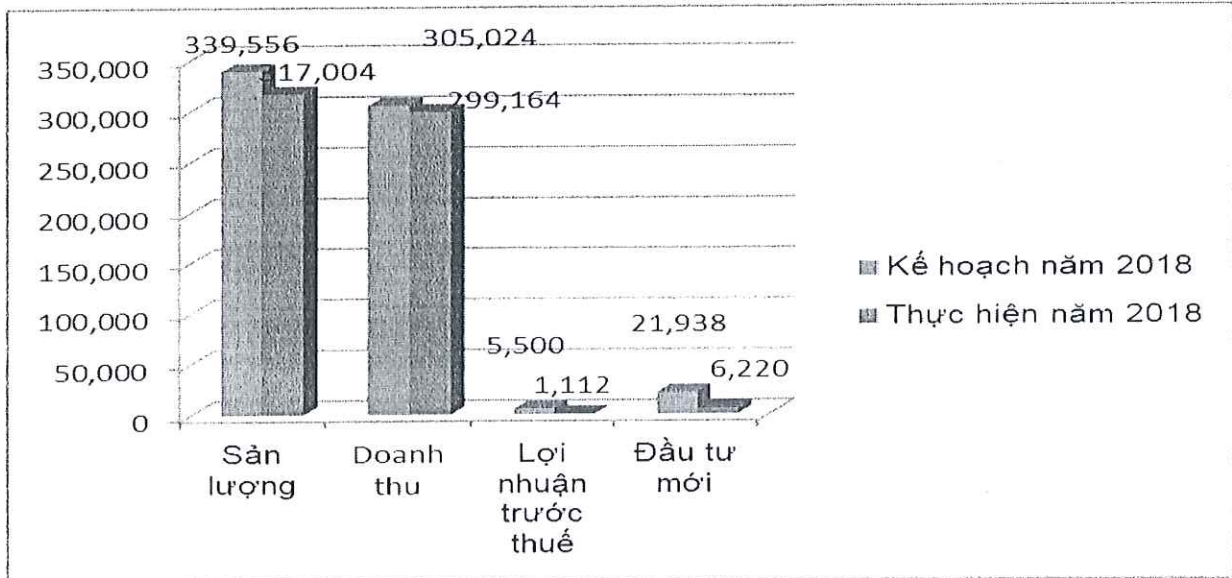
Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ th/kh (%)
-----	----------	--------------------	-------------------	--------------------	-----------------

1	Sản lượng	233,233	339,556	317,004	93%
2	Doanh thu	220,672	305,024	299,164	98%
3	Lợi nhuận trước thuế	17,839	5,500	1,112	20%
4	Đầu tư mới	22,458	21,938	6,220	28%

Đơn vị: Tỷ đồng

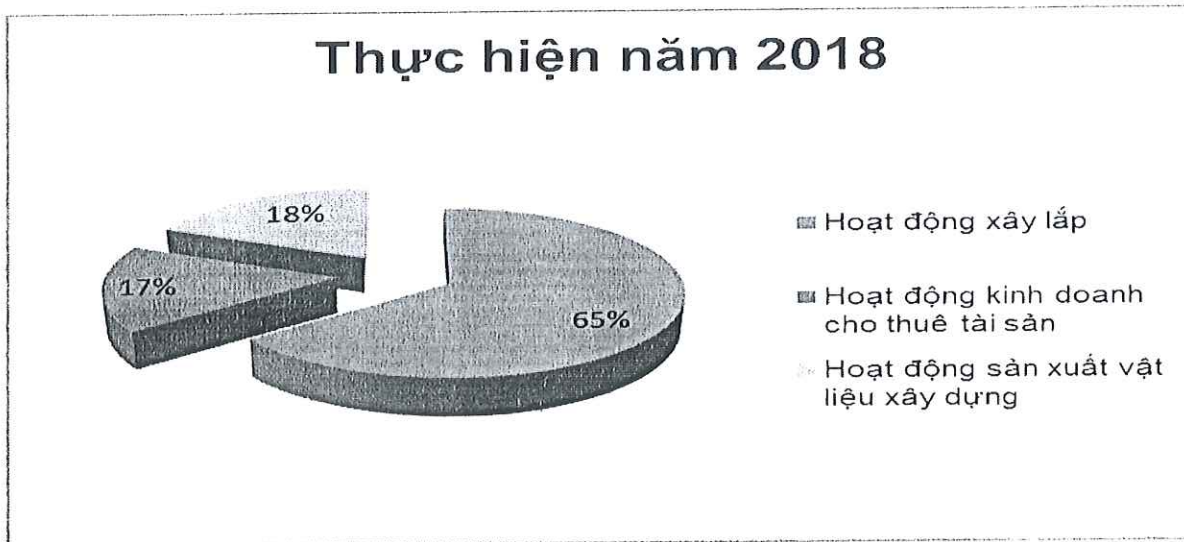


Đơn vị: Tỷ đồng

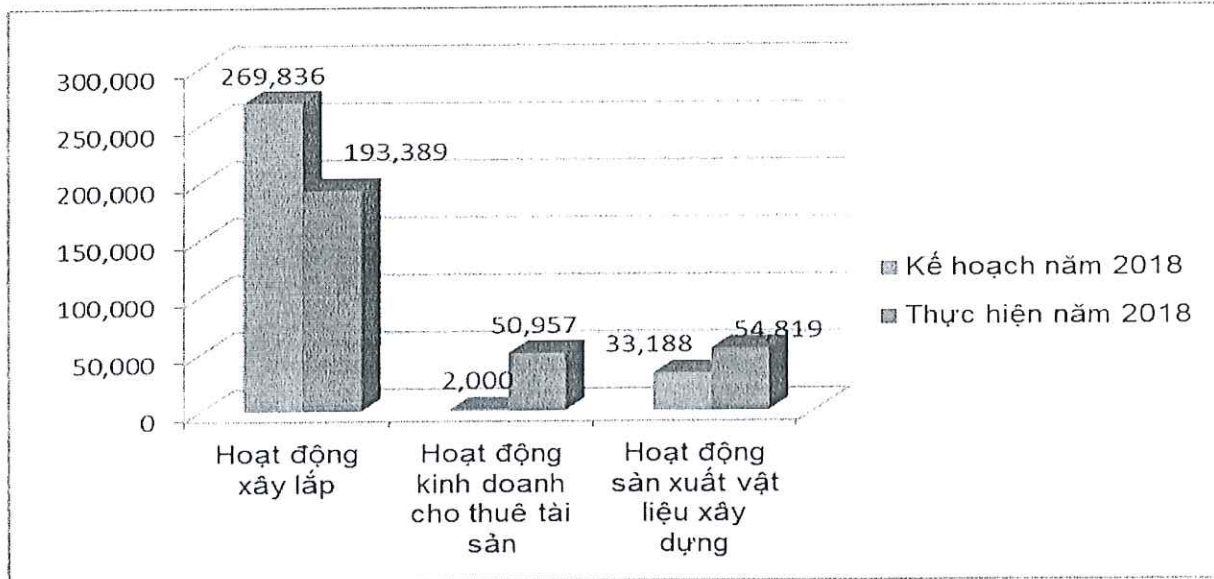


Cơ cấu doanh thu:

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ th/kh (%)	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động xây lắp	269,836	193,389	72%	65%
2	Hoạt động kinh doanh cho thuê tài sản	2,000	50,957	2548%	17%
3	Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng	33,188	54,819	165%	18%



Đơn vị: Tỷ đồng



Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện sản lượng 317,004 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 93% so với kế hoạch đặt ra (339,556 tỷ).

Doanh thu năm 2018 đạt 299,164 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 98% kế hoạch đặt ra (305,024 tỷ).

Lợi nhuận trước thuế 1,112 tỷ đồng, chỉ đạt 20% kế hoạch đặt ra (5,5 tỷ). Nếu so với doanh thu, lợi nhuận chỉ đạt 0,4% trên doanh thu đạt được năm 2018.

Công tác đầu tư tài sản mới 6,22 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 28% so với kế hoạch đặt ra (21,938 tỷ).

- Xét về cơ cấu doanh thu trong năm 2018, tổng doanh thu đạt 98% theo kế hoạch đặt ra, trong đó:

Hoạt động xây lắp: Doanh thu là 193,389 tỷ đồng, đạt 72% so với kế hoạch (269,836 tỷ), chiếm tỷ trọng 65% trong cơ cấu doanh thu.

Hoạt động kinh doanh cho thuê tài sản: Doanh thu 50,957 tỷ đồng, đạt 2548% so với kế hoạch (2 tỷ), chiếm tỷ trọng 17% trong cơ cấu doanh thu.

Hoạt động trong sản xuất vật liệu xây dựng: Doanh thu 54,819 tỷ đồng, đạt 165% so với kế hoạch đặt ra (33,188 tỷ), chiếm tỷ trọng 18% trong cơ cấu doanh thu.

Qua đó ta thấy đối với công ty Licogi 166, hoạt động xây lắp chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty, được coi là nòng cốt trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh thu từ sản xuất vật liệu xây dựng cũng chiếm tỷ trọng không nhỏ.

Tuy kết quả chưa đạt được kỳ vọng như kế hoạch đề ra nhưng để có kết quả đó, tất cả CBCNV Công ty dưới sự điều hành, lãnh đạo của Ban giám đốc đã nỗ lực hết mình, thực hiện đúng theo chỉ đạo và kế hoạch đề ra của HĐQT, BGD. Từng bước thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Công tác thị trường:

Phải khẳng định rằng, nguồn việc là điều cốt lõi sống còn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác thị trường tìm kiếm nguồn việc mới gói đầu là điều rất quan trọng, tạo dòng việc liên tục, tổ chức vận hành doanh nghiệp diễn ra một cách thông suốt, tạo việc làm và thu nhập người lao động cũng như lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong bối cảnh ngành giao thông trong nước đang cạnh tranh khốc liệt, để có được Hợp đồng thi công là không hề dễ dàng. Cần phải có mối quan hệ tốt, công tác thị trường cần phải đẩy mạnh, thường xuyên. Có năng lực về thiết bị, tài chính và năng lực kinh nghiệm thi công các dự án.

Với sự hỗ trợ từ công ty mẹ LICOGI 16, năm 2018 Công ty chúng ta đã ký kết thêm được 4 hợp đồng thi công các gói thầu thuộc dự án Hữu Nghị - Chi Lăng với tổng giá trị hơn 400 tỷ đồng. Đây dự kiến sẽ là nguồn việc ổn định cho Công ty triển khai trong năm 2019.

Trong năm 2018, chúng ta đã tiến hành đấu thầu một số dự án trong khối kinh tế tư nhân như Khu hạ tầng đô thị tại Hưng Yên của chủ đầu tư T&T, hệ thống công hộ thoát nước tại Hạ Long, Quảng Ninh của chủ đầu tư SunGroup. Chúng ta đã tiến vào đến bước thương thảo Hợp đồng. Tuy không ký kết hợp đồng thi công các gói thầu này nhưng đây là tiền đề để chúng ta có thể đúc rút kinh nghiệm, tự tin trong việc Đấu thầu dự án với các đơn vị khác.

2. Công tác xây dựng tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực:

Năm 2018 là năm mà nguồn nhân lực của Công ty có nhiều biến động, thay đổi. Trên cơ sở lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn và nhiều năm kinh nghiệm hiện có, Công ty đang từng bước tái cấu trúc lại bộ máy, điển hình là tại văn phòng Công ty sáp nhập 2 phòng chuyên môn KH-ĐT-MH và phòng KT-TC thành phòng KH-KT-VT cho phù hợp với quy mô khối lượng công việc của Công ty hiện nay. Công ty từng bước xây dựng bộ máy theo chiều hướng tinh, gọn, nhẹ. Giảm thiểu chi phí tiền lương mà vẫn đủ năng lực đảm bảo gánh vác công việc trong giai đoạn hiện tại.

3. Công tác củng cố tài chính:

Xác định tài chính là một khâu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nên ngay từ đầu, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD luôn chủ động trong việc chuẩn bị thu xếp nguồn tài chính, bằng việc:

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền và chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, song song với đó là tổ chức nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn.
- Từng bước đáo hạn lại các khoản vay tín dụng đến hạn, giảm thiểu khó khăn áp lực tài chính đối với các khoản vay ngắn hạn và trung hạn đến kỳ phải trả.
- Duy trì mối quan hệ tốt với ngân hàng BIDV, Vietinbank và các tổ chức tín dụng hiện có.
- Từng bước thương thảo với các đối tác nhà cung cấp, thầu phụ về tiến trình giải ngân các khoản nợ đến hạn, giảm thiểu sức ép tài chính phải trả trong thời gian Công ty đang gặp khó khăn.

4. Củng cố và tăng cường năng lực thiết bị:

Cho đến thời điểm hiện nay, tổng giá trị thiết bị của Công ty là trên 127 tỷ đồng, đáp ứng yêu cầu thiết bị phục vụ thi công các gói thầu có giá trị lớn. Dàn thiết bị đủ thi công toàn bộ phần nền của công trình giao thông và đáp ứng năng lực khai thác sản xuất tại mỏ đá Licogi 166.

Năm 2018, công ty đã đầu tư thêm để củng cố và tăng cường năng lực xe máy thiết bị sản xuất cho mỏ đá Licogi 166 với giá trị 6,22 tỷ đồng, tuy chưa đạt theo kế

hoạch đầu tư 21,938 tỷ nhưng những đầu tư thiết bị trên đã nâng cao năng lực sản xuất cho mỏ đá, bao gồm:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị/số lượng	Giá trị
1	Máy nghiền cone C300	Cái	5,067 tỷ VNĐ
2	Trạm cân 80T	Cái	0,334 tỷ VNĐ
3	Ô tô bán tải Ford Ranger	cái	0,648 tỷ VNĐ
	Tổng cộng		6,220 tỷ VNĐ

5. Hoàn thiện quy trình, ứng dụng các giải pháp công nghệ vào hoạt động quản lý điều hành:

Sau thời gian ứng dụng công nghệ vào điều hành quản lý doanh nghiệp, Các quy trình quản lý, quy trình làm việc nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, rút ngắn thời gian xử lý thông tin như ứng dụng các phần mềm kế toán mới, phần mềm văn phòng điện tử Moffice, phần mềm lưu trữ hồ sơ trực tuyến DocPro cơ bản được toàn thể CBCNV sử dụng thuần thục. Việc xử lý thông tin qua các cấp, các bộ phận được đẩy nhanh, tiết kiệm thời gian, nâng cao chất lượng điều hành quản lý doanh nghiệp.

6. Chính sách với người lao động:

Năm 2018 là năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Biết rằng con người là yếu tố then chốt để một tổ chức vận hành bền vững. Việc nâng cao năng lực cán bộ cũng như chăm lo đời sống vật chất tinh thần, cải thiện môi trường làm việc, quan tâm chế độ chính sách của người lao động rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như vận hành doanh nghiệp. Tuy vậy 2018 là năm Công ty có tình hình kinh doanh đi xuống, các chế độ chính sách đối với CBCNV nửa đầu năm 2018 của Công ty tương đối đảm bảo, nguồn thu nhập của người lao động đều đặn, thường xuyên. Nhưng nửa cuối năm 2018 do tình hình tài chính Công ty mất cân đối trên diện rộng, việc đảm bảo các chế độ chính sách cho người lao động chưa được thỏa đáng. Cụ thể đến hết năm 2018 Công ty vẫn đang nợ một số tháng lương của CBCNV mà chưa thể chi trả.

Khó khăn là thế, nhưng các chế độ như lễ tết, ... các chế độ thăm hỏi ốm đau, bệnh tật vẫn được duy trì. Đặc biệt HĐQT, BGD đã rất nỗ lực khi giải quyết cho CBCNV lương tháng 13 trong dịp tết Nguyên đán, đây là một nỗ lực rất lớn, là sự cố gắng của HĐQT, BGD đối với việc quan tâm, chăm lo đời sống của người lao động trong Công ty, với các CBCNV đã chia sẻ cùng Công ty trong thời gian khó khăn nhất.

II. KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018.

1. Đánh giá chung:

Nhìn vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Doanh thu ghi nhận đạt 299,164 tỷ đồng (đạt 98% so với kế hoạch), đây là thành quả cố gắng của tất cả CBCNV trong năm vừa qua, tuy vậy kết quả này được đánh giá là chưa hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra bởi các nguyên nhân:

- Các dự án lớn đang triển khai trong năm 2017 chuyển sang năm 2018 đều đến giai đoạn kết thúc, khó khăn về tài chính của Công ty đã ảnh hưởng tới việc thi công công trình, một số gói thầu thuộc dự án cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, Hạ Long - Vân Đồn chậm tiến độ. Việc giá trị gói thầu giảm sau khi dự toán duyệt chính thức đồng thời điều chuyển khối lượng phần nút giao IC31 sang công ty Licogi 16 thi công của gói thầu XL20 làm giảm đi tổng giá trị gói thầu hơn 35 tỷ, điều này ảnh hưởng đến dòng tiền thanh toán, là một trong các nguyên nhân gây nên sự mất cân đối tức thời về nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Các dự án kế hoạch triển khai thi công trong 2018 như Hữu Nghị - Chi Lăng, Vân Đồn - Móng Cái gặp phải một số vướng mắc về mặt thủ tục và giải ngân vốn của Chủ đầu tư. Do đó việc thi công các dự án này bị gián đoạn, gây ảnh hưởng không nhỏ tới doanh thu của Công ty trong năm 2018.

- Dự án Hạ Long - Vân Đồn công tác tổ chức thi công chậm tiến độ so với các mốc tiến độ công trường đã cam kết với Công ty, một số vị trí thi công thường xuyên bị cản trở thi công do việc Chủ đầu tư chậm giải phóng mặt bằng, đền bù dân cư.

- Mỏ đá Cùm đụn đến cuối năm 2018 đã hết hạn giấy phép khai thác, việc gia hạn gặp khó khăn và chưa thực hiện được.

- Dự án Thoát nước Long Biên vướng mắc trong việc thanh toán thu hồi vốn do thủ tục pháp lý bãi đổ thải chưa được Chủ đầu tư thống nhất. Công tác bàn giao mặt bằng hồ Dầu Bông chậm và vẫn chưa bàn giao được, dẫn tới việc thi công bị trì trệ.

2. Thuận lợi:

- Công ty có sẵn các dự án lớn chuyển tiếp từ năm trước sang (Dự án cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, Thoát nước Long Biên, Bắc Giang – Lạng Sơn).

- Được sự quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện của Công ty mẹ Licogi 16 trong việc tham gia ký kết hợp đồng cũng như tham gia chào giá đấu thầu tìm kiếm dự án. Điển hình là việc giao 04 gói thầu dự án Hữu Nghị - Chi Lăng với tổng giá trị hơn 400 tỷ đồng.

- Các công trường thi công luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời từ Ban lãnh đạo Công ty.

- Có số lượng lớn xe máy thiết bị và được đầu tư mới đồng bộ để tổ chức triển khai các công trình giao thông.

- Năng lực quản lý điều hành dự án ngày càng được nâng cao, xuyên suốt từ Ban lãnh đạo công ty đến các BDH công trường luôn sát sao, quyết liệt trong công tác quản lý, tổ chức điều hành công trường.

- Lực lượng nhân sự trẻ, nhiệt huyết với công ty và có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu của công việc.

3. Khó khăn vướng mắc:

- Công tác tìm kiếm dự án mới trong năm 2018 và các năm tiếp theo khá khó khăn mặc dù Công ty tích cực tăng cường quan hệ với đối tác cũng như thường xuyên thực hiện công tác chào giá đầu thầu. Các gói thầu đã được ký kết trong năm 2018 dự án Hữu Nghị - Chi Lăng chậm trễ trong việc triển khai do vướng mắc về tín dụng của Chủ đầu tư ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền sản xuất kinh doanh cũng như doanh thu của công ty trong năm 2018.

- Về tài chính khó khăn, thiếu vốn phục vụ cho SXKD, nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực tài chính của Công ty còn hạn chế, công tác nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư tại các dự án còn chậm dẫn việc khó khăn trong việc cân đối dòng tiền phục vụ cho các dự án. Điển hình như Các thủ tục giải ngân vốn tại dự án Bắc Giang – Lạng Sơn bị gián đoạn do việc giải ngân giá trị thuộc khối lượng thuộc VO phát sinh, dự án thoát nước Long Biên chưa thu hồi được vốn do vướng mắc thủ tục chấp thuận bãi thải.

- Các khoản vay với các đơn vị cung cấp tín dụng trong ngắn hạn và trung hạn đồng loạt đến kỳ phải trả, hạn mức tín dụng kịch trần, gây nên sức ép lớn lên tài chính toàn Công ty, làm ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh.

- Công tác tổ chức thi công tại một số dự án vẫn còn chậm tiến độ so với yêu cầu của Công ty, Chủ đầu tư.

- Mỏ đá Licogi 166 nửa đầu năm 2018 khai thác và xuất khẩu cầm chừng, máy móc thiết bị thường xuyên hỏng hóc, công tác sản xuất tại mỏ chưa phát huy được hết hiệu suất của thiết bị nghiền sàng nên hiệu quả kinh doanh không cao, chưa đạt như kỳ vọng. Nửa cuối năm 2018 giấy phép khai thác mỏ đá hết hạn, việc gia hạn gặp khó khăn và đến thời điểm hiện tại chưa thực hiện được, điều này khiến công tác sản xuất và xuất khẩu đá bị ngừng trệ, các sản phẩm phụ vẫn bết tắc trong khâu tìm

kiểm đầu ra. Doanh thu cũng như dòng tiền cho sản xuất năm 2018 một phần bị giảm sút.

- Khó khăn về tài chính và việc quản lý đơn đốc các thầu phụ, tổ đội, thiết bị thi công của BĐH chưa thực sự tốt dẫn tới xảy ra nhiều hao hụt, tiến độ chậm so với yêu cầu đặt ra.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019.

Kính thưa Quý cổ đông !

Tiếp nối khó khăn đang gặp phải trong năm 2018 vừa qua, Ban giám đốc nhận định năm 2019 Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn bất lợi. Các khó khăn này không thể ngày một ngày hai là có thể khắc phục được, nó có thể kéo dài đến cuối quý 3 năm 2019. Ban lãnh đạo đã dự báo các khó khăn tiếp tục gặp phải trong năm 2019 cụ thể:

+ Các dự án triển khai trong năm 2018 đã kết thúc, sang năm 2019 không còn dự án cũ từ các năm trước chuyển sang.

+ Các dự án gói đầu như Hữu Nghị - Chi Lăng chưa thể triển khai, dự án mới Vân Đồn – Móng Cái, Thủ lệ chưa ký Hợp đồng, dự kiến vào khoảng cuối quý 3 năm 2019 mới bắt đầu đi vào hoạt động có dòng tiền để triển khai dự án.

+ Công tác gia hạn mỏ đá dự phải đến giữa quý 2 năm 2019 mới hoàn thành, việc xuất khẩu đá bị ngưng trệ, dự kiến tháng 6 năm 2019 mới triển khai được.

+ Áp lực tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các đơn vị thầu phụ, nhà cung cấp tiếp tục là gánh nặng mà chưa thể có nguồn chi trả.

+ Các khoản nợ lương người lao động chưa bố trí được dòng tiền, nguy cơ người lao động nghỉ việc hàng loạt là rất lớn.

Đứng trước những khó khăn thách thức đó, HĐQT cũng như Ban TGD đã có những chỉ đạo quyết liệt trong nỗ lực khắc phục xoay chuyển tình thế Công ty đang gặp phải. Tất cả các CBCNV từ lãnh đạo đến người lao động đã và đang rất cố gắng, chuẩn bị tinh thần để đương đầu với trở ngại. Cho tới hôm nay, các khó khăn đang được Ban lãnh đạo Công ty từng bước giải quyết, đã có những dấu hiệu khả quan như giấy phép gia hạn mỏ đá Licogi 166 đầu tháng 5 đã được thông qua. Các dự án lớn kỳ vọng sẽ được triển khai theo đúng kế hoạch. Đó là nguồn động lực để toàn thể CBCNV đang gắn bó tại Công ty đồng hành cùng Ban lãnh đạo vượt qua các khó khăn trước mắt này.

Chính vì vậy, HĐQT đã họp và đề ra mục tiêu năm 2019, như sau:

a. Đối với dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn:

Tập trung hoàn thành công việc còn lại và bàn giao dứt điểm khối lượng điều chuyển sang công ty Licogi 16. Phối hợp với công ty Licogi 16 hoàn thành công tác

lập hồ sơ hoàn công & thanh toán công trình trước tháng 10/2019 với doanh thu khoảng 33,5 tỷ đồng.

b. Đối với dự án cao tốc Hạ Long - Vân Đồn:

Tập trung hoàn thành công tác hoàn công, quyết toán và tiến hành thu hồi vốn giá trị dở dang đang tồn đọng với doanh thu khoảng 1,6 tỷ đồng trước 30/5/2019.

c. Dự án thoát nước Long Biên:

- Tiếp tục hoàn tất hồ sơ, thanh toán phần khối lượng đang dở dang cả 2 Gói đạt doanh thu 12,9 tỷ đồng hoàn thành trước 30/06/2019.

d. Đối với Mỏ đá Licogi 166:

- Liên hệ với các đối tác mỏ đá trong khu vực tiến hành ký Hợp đồng sản xuất thuê trong thời gian chờ đợi thủ tục gia hạn mỏ đá được hoàn thành, mục tiêu sản xuất thuê khoảng 30.000 tấn đá/1 tháng nhằm đáp ứng đủ chi phí vận hành công ty trong thời gian khó khăn hiện tại.

- Thực hiện hoàn thành việc gia hạn mỏ đá trong tháng 4/2019, tiến hành sản xuất và xuất khẩu trở lại từ tháng 5/2019.

- Tổ chức sản xuất 3 ca/ngày, củng cố lại máy móc thiết bị, nâng cao năng lực khai thác và sản xuất để đạt mục tiêu duy trì xuất khẩu đá sang thị trường nước ngoài định kỳ 1 tàu 45.000 tấn/tháng sau khi đã có giấy phép khai thác.

- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu ngoài Bangladesh.

e. Đối với các hợp đồng dự án Hữu Nghị - Chi Lăng:

- Tổ chức triển khai thi công cho tổng 4 gói thầu giá trị thực hiện năm 2019 khoảng 107,9 tỷ đồng. Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán trong năm 2019 khoảng 49,0 tỷ đồng.

f. Các dự án tìm kiếm mới trong năm 2019:

- Cùng với công ty mẹ Licogi 16 nhận thi công các dự án Vân Đồn – Móng Cái (khoảng 300 tỷ, dự kiến thực hiện trong năm 2019 khoảng 72 tỷ); dự án Bãi đỗ xe Thủ Lệ (khoảng 80 tỷ, dự kiến thực hiện trong năm 2019 khoảng 7,5 tỷ).

i. Các nhiệm vụ khác:

- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn cho các dự án đã thực hiện quyết toán và hết thời gian bảo hành công trình.

- Tuyển dụng, đào tạo yếu tố con người: Tiếp tục tuyển dụng nhân sự phù hợp có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm lâu năm, đảm đương được các vị trí thích hợp khi các dự án bắt đầu triển khai. Đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, bổ sung thêm kỹ năng, năng lực các cán bộ hiện tại trong Công ty, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khi việc sản xuất kinh doanh Công ty được mở rộng. Có hoạch định đúng đắn cho việc phát triển nguồn nhân lực và nhận biết khả năng, thế mạnh của mỗi cá nhân để sắp xếp vị trí phù hợp nhất.

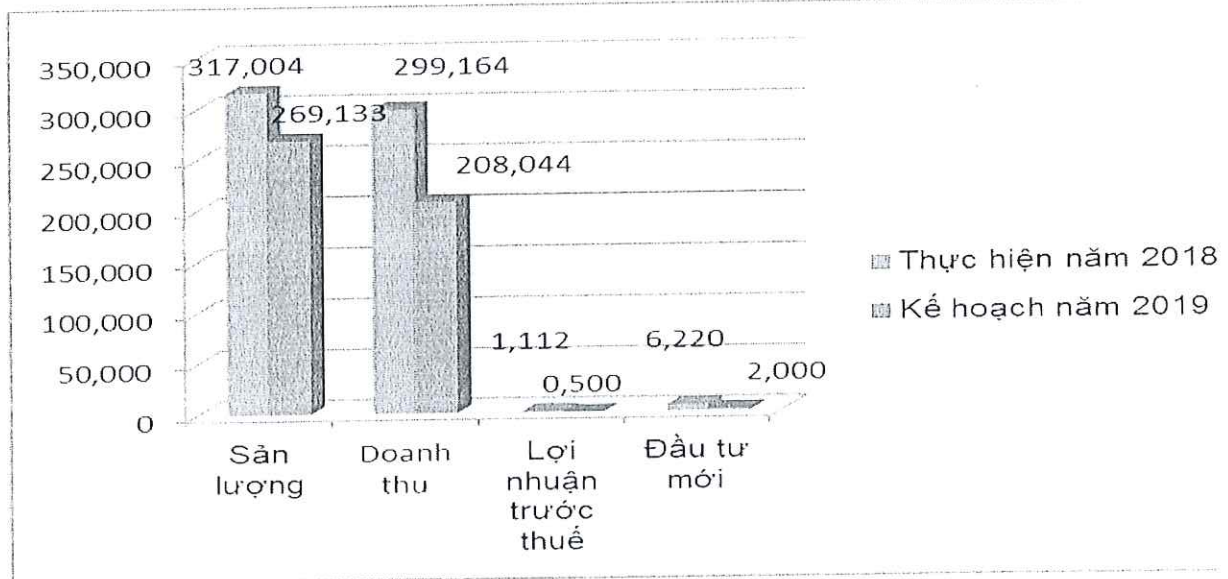
Cụ thể hóa các mục tiêu trên, Ban TGD báo cáo HĐQT, đệ trình ĐHĐCĐ thường niên bảng chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019:

Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ Kh 2019/Th 2018
1	Sản lượng	317,004	269,133	85%
2	Doanh thu	299,164	208,044	70%
3	Lợi nhuận trước thuế	1,112	0,500	45%
4	Đầu tư mới	6,220	2,000	32%
5	Vốn điều lệ	76,000	76,000	
6	Tỷ lệ cổ tức	0	0	

Đơn vị: Tỷ đồng

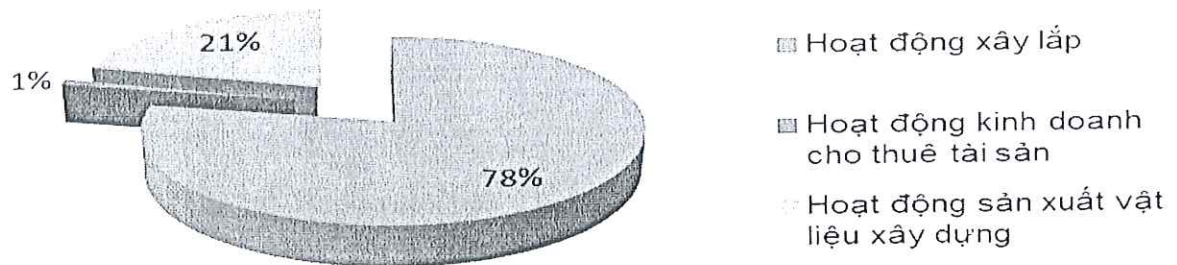


Kế hoạch cơ cấu doanh thu năm 2019

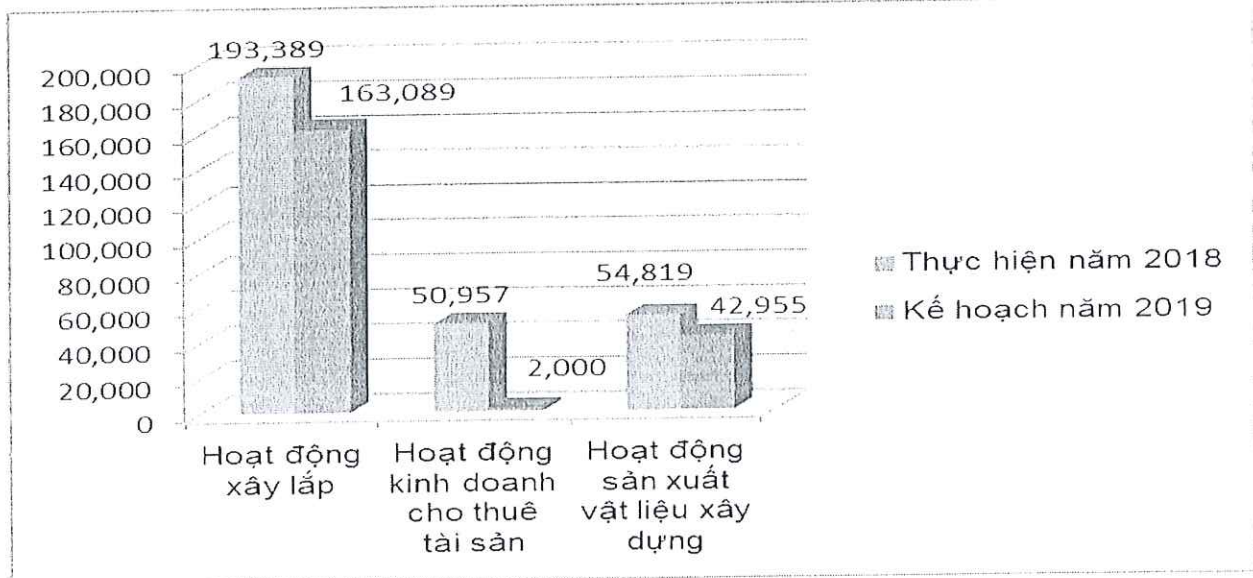
Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ kh 2019/Th 2018 (%)	KH Tỷ trọng 2019 (%)
1	Hoạt động xây lắp	193,389	163,089	84%	78%

2	Hoạt động kinh doanh cho thuê tài sản	50,957	2,000	4%	1%
3	Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng	54,819	42,955	78%	21%

Cơ cấu kế hoạch doanh thu năm 2019



Đơn vị: Tỷ đồng



IV. KẾT LUẬN:

Năm 2018 vừa qua, Công ty đã trải qua thời kỳ khó khăn lớn nhất trong suốt hơn 10 năm thành lập, tuy kết quả kinh doanh chưa đạt được như kế hoạch đề ra nhưng đó là thành quả, là sự cố gắng của toàn thể CBCNV trong Công ty sau một năm làm việc.

HĐQT, BGĐ luôn bám sát hoạt động của Công ty, đề ra các quyết sách nhằm khắc phục khó khăn Công ty phải đối mặt trong năm. Hiện nay các chỉ đạo, chính sách của HĐQT, BGĐ đang từng bước khắc phục dần những khó khăn mà Công ty đang gặp phải và bước đầu có dấu hiệu hồi phục dần. Đây là tiền đề để Công ty triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và chiến lược phát triển các năm tới. Để làm được điều này, toàn thể CBCNV Công ty sẽ phải thật sự nỗ lực, tập trung trí lực, thống nhất hành động, không ngừng phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực sẵn có để đạt được và hơn nữa là vượt mức kế hoạch đề ra.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2018, định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Kính trình ĐHCĐ xem xét, thảo luận và thông qua.

Thay mặt Ban giám đốc, Tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông của Công ty mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính chào!


TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Công Hưng
Vũ Công Hưng

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2019

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính thưa quý vị Cổ đông!

Thưa toàn thể Đại hội!

Trong niên độ tài chính 2018, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của luật doanh nghiệp 2014, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty CP Licogi 166, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập để thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ đối với hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

1. Thành phần Tiểu ban kiểm toán độc lập:

- Bà Bùi Thị Nhân Huệ - Thành viên HĐQT: Trưởng tiểu ban

- Ông Nguyễn Anh Tú – Thành viên HĐQT: Thành viên Ban kiểm toán độc lập.

- Bà Hà Thị Huệ – Kế toán trưởng: Thành viên

2. Kết quả hoạt động năm 2018 của Tiểu ban:

Trong năm 2018 Tiểu ban kiểm toán độc lập đã tiến hành hoạt động kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 trong việc quản lý điều hành của Công ty cụ thể:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018.

Xem xét tính phù hợp của các quyết định HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy định của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Tiểu ban kiểm toán độc lập đã tổ chức các cuộc họp nhằm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, rà soát kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả các mặt hoạt động của

công ty để có các kiến nghị, quyết định trong phạm vi thẩm quyền nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban kiểm toán độc lập.

3. Đánh giá kết quả báo cáo tài chính của Công ty năm 2018.

- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Ban kiểm toán nhận thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kế toán áp dụng và các chế độ chính sách tài chính áp dụng thể hiện trong báo cáo tài chính kế toán năm 2018 là phù hợp. Ban kiểm toán độc lập nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính quý, 6 tháng:

+ Báo cáo tài chính đáp ứng được các nội dung theo quy định.

+ Thời gian lập báo cáo tài chính trong năm đúng quy định, kịp thời phục vụ yêu cầu quản trị của Công ty và thông tin đến các Cổ Đông.

- Kết quả giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý điều hành.

Các Biên bản và Nghị quyết HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp theo quy định, việc gửi các tài liệu liên quan đến Ban kiểm toán độc lập được thực hiện đầy đủ.

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp, ban hành các Nghị quyết, quyết định, tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty và quy định của Pháp luật.

Năm 2018 Ban kiểm toán nội bộ không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

Ban Tổng giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, công việc được giao nêu trong Nghị quyết của Đại hội cổ đông và của HĐQT.

Tổng Giám đốc đã điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, ban hành các quyết định phục vụ quản lý điều hành.

Các cán bộ quản lý khác của Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, công việc được giao, chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp từ HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Kính thưa toàn thể đại hội!

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Tiểu ban kiểm toán độc lập năm 2018.

Kính chúc Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc đại hội thành công tốt đẹp !

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu TBKTĐL.

TB. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Bùi Thị Nhân Huệ



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 228 /BCKT/TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 23/03/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



TRẦN TRÍ DŨNG
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHNKT số: 0895-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

LÊ THÙY DƯƠNG
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHNKT số: 2879-2018-126-1

10
Y
M
D
N
N

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		234.326.838.081	224.798.060.262
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.841.281.647	5.787.968.036
1. Tiền	111		2.586.281.647	787.968.036
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.255.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.200.000.000	2.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	2.200.000.000	2.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.586.095.540	103.835.562.290
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	60.839.615.344	56.954.757.590
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	10.200.849.882	14.921.382.334
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	24.016.308.527	32.430.100.579
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(470.678.213)	(470.678.213)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	125.962.952.356	110.319.793.163
1. Hàng tồn kho	141		125.962.952.356	110.319.793.163
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.736.508.538	2.654.736.773
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	2.904.005.714	433.523.271
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		832.502.824	2.221.213.502
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.333.625.324	89.562.704.575
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		75.487.928.629	81.723.424.922
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	59.685.126.610	64.000.878.455
- Nguyên giá	222		121.746.791.396	115.156.579.596
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(62.061.664.786)	(51.155.701.141)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	15.802.802.019	17.722.546.467
- Nguyên giá	225		19.197.444.548	19.197.444.548
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(3.394.642.529)	(1.474.898.081)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	-	1.035.213.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.035.213.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.845.696.695	6.804.066.653
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	5.845.696.695	6.804.066.653
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>315.660.463.405</u>	<u>314.360.764.837</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		232.354.190.885	232.166.879.674
I. Nợ ngắn hạn	310		217.721.543.260	215.082.853.683
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	74.647.905.352	39.503.640.276
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	46.509.200	76.783.743.257
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.646.355.293	314.562.804
4. Phải trả người lao động	314		6.785.669.049	4.206.016.970
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.667.775.085	2.042.114.277
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20.804.324.002	8.473.756.143
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	106.114.442.619	83.676.945.916
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.562.660	82.074.040
II. Nợ dài hạn	330		14.632.647.625	17.084.025.991
1. Phải trả dài hạn khác	337			147.671.743
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	14.632.647.625	16.936.354.248
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.306.272.520	82.193.885.163
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	83.306.272.520	82.193.885.163
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.990.880.189	5.990.880.189
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.315.392.331	203.004.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.804.613.329)	(21.655.598.078)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.120.005.660	21.858.603.052
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		-	-
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		315.660.463.405	314.360.764.837

Người lập biểu

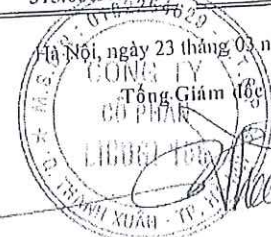


Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ



Vũ Công Hưng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	286.617.253.715	213.171.031.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	286.617.253.715	213.171.031.900
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	266.208.387.930	183.347.861.433
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.408.865.785	29.823.170.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	497.317.103	257.453.454
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	9.346.321.966	8.131.147.794
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.346.321.966	8.131.147.794
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		308.631.664	
9. Chi phí bán hàng	25		10.993.768.443	10.459.731.724
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	257.460.815	11.489.744.403
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		939.144.449	6.352.645.993
12. Thu nhập khác	31	VI.7	84.217.907	3.661.233
13. Chi phí khác	32	VI.8	854.926.542	6.348.984.760
14. Lợi nhuận khác	40		1.112.387.357	17.838.729.163
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.112.387.357	17.838.729.163
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.112.387.357	17.838.729.163
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		146	2.347
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	146	2.347
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Người lập biểu



Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2019



Vũ Công Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.112.387.357	17.838.729.163
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	21.998.252.862	11.896.516.293
- Các khoản dự phòng	03	14.088.392.448	12.323.304.524
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(8.300.482.571)
- Chi phí lãi vay	06	(1.436.461.552)	(257.453.454)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.346.321.966	8.131.147.794
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	23.110.640.219	29.735.245.456
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11.816.390.428	(14.756.688.525)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(15.643.159.193)	(57.287.561.642)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(20.170.239.727)	47.642.535.380
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.512.112.485)	665.422.145
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.506.508.327)	(8.085.618.023)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(73.511.380)	(312.107.273)
		(11.978.500.465)	(2.398.772.482)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.413.565.834)	(18.360.221.365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	814.272.727	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	497.317.103	257.453.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.101.976.004)	(78.102.767.911)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	195.680.582.338	134.217.440.809
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(171.297.154.240)	(100.837.228.776)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.249.638.018)	(7.258.140.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.133.790.080	26.122.071.278
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.053.313.611	5.620.530.885
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.787.968.036	167.437.151
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.841.281.647	5.787.968.036

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng

Hà Thị Huệ





Số: 284/BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 23/03/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRẦN TRÍ DŨNG
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHNKT số: 0895-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

LÊ THỦY DƯƠNG
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHNKT số: 2879-2014-126-1

16
G
M
T
O
Đ
H
I
N
Đ
A
P

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

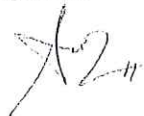
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231.338.721.046	228.227.864.103
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.825.968.657	5.775.622.023
1. Tiền	111		2.570.968.657	775.622.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.255.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.200.000.000	2.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.200.000.000	2.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.519.571.354	127.302.027.298
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	56.786.815.704	56.954.757.590
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	42.487.094.447	39.113.266.043
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	23.716.339.416	31.704.681.878
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(470.678.213)	(470.678.213)
IV. Hàng tồn kho	140		95.889.175.321	91.151.429.410
1. Hàng tồn kho	141	V.06	95.889.175.321	91.151.429.410
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.904.005.714	1.798.785.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	2.904.005.714	433.523.271
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			1.365.262.101
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.546.139.207	83.353.283.368
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn khác	216			
II. Tài sản cố định	220		61.274.916.924	65.010.413.221
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	45.472.114.905	47.287.866.754
- Nguyên giá	222		101.746.791.396	95.156.579.596
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(56.274.676.491)	(47.868.712.842)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	15.802.802.019	17.722.546.467
- Nguyên giá	225		19.197.444.548	19.197.444.548
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(3.394.642.529)	(1.474.898.081)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			1.035.213.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10		1.035.213.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	17.805.648.389	16.992.381.697
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.194.351.611)	(3.007.618.303)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		465.573.894	315.275.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	465.573.894	315.275.450
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>310.884.860.253</u>	<u>311.581.147.471</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 (tháng 12) năm 2018
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		227.578.587.733	229.387.262.308
I. Nợ ngắn hạn	310		212.945.940.108	212.303.236.317
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	73.152.235.186	39.370.311.209
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	46.509.200	76.783.743.257
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.301.895.578	294.412.892
4. Phải trả người lao động	314		5.490.054.946	3.620.872.691
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.667.775.085	160.186.361
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20.164.464.834	8.314.689.951
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	106.114.442.619	83.676.945.916
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.562.660	82.074.040
II. Nợ dài hạn	330		14.632.647.625	17.084.025.991
1. Phải trả dài hạn khác	337			147.671.743
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	14.632.647.625	16.936.354.248
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.306.272.520	82.193.885.163
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	83.306.272.520	82.193.885.163
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.000.000.000	76.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.990.880.189	5.990.880.189
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.315.392.331	203.004.974
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		203.004.974	(17.635.724.189)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		1.112.387.357	17.838.729.163
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		310.884.860.253	311.581.147.471

Người lập biểu



Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Công đồng Giám đốc
CỔ PHẦN
LICOGI 166
PHƯỜNG NHÂN CHÍNH - QUẬN THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Vũ Công Hưng

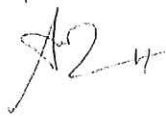
**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	299.164.498.292	220.672.219.654
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	299.164.498.292	220.672.219.654
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	280.635.859.547	192.280.410.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.528.638.745	28.391.809.397
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	497.110.519	257.409.237
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.533.055.274	7.118.892.208
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.346.321.966	8.131.147.794
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	10.235.233.175	10.040.582.023
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		257.460.815	11.489.744.403
11. Thu nhập khác	31	VI.6	939.144.449	6.352.645.993
12. Chi phí khác	32	VI.7	84.217.907	3.661.233
13. Lợi nhuận khác	40		854.926.542	6.348.984.760
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.112.387.357	17.838.729.163
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.112.387.357	17.838.729.163

Người lập biểu



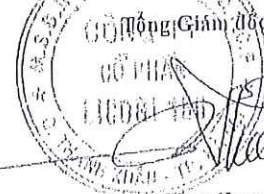
Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2019



Vũ Công Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.112.387.357	17.838.729.163
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	18.685.192.758	11.435.730.267
- Các khoản dự phòng		11.588.392.452	10.923.319.473
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(813.266.692)	(7.291.597.579)
- Chi phí lãi vay	06	(1.436.254.968)	(257.409.237)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.346.321.966	8.131.147.794
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.797.580.115	29.274.459.430
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.325.931.045	(22.232.643.960)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(4.737.745.911)	(47.215.196.746)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(22.166.225.513)	47.249.818.037
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.620.780.887)	(101.525.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.506.508.327)	(8.085.618.022)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(73.511.380)	(312.107.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.981.260.858)	(1.422.813.611)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.413.565.834)	(19.412.879.453)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	814.272.727	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	497.110.519	257.409.237
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.102.182.588)	(19.155.470.216)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	195.680.582.338	134.217.440.809
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(171.297.154.240)	(100.837.228.776)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(4.249.638.018)	(7.258.140.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.133.790.080	26.122.071.278
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.050.346.634	5.543.787.451
Tiền và trong đương tiền đầu kỳ	60	5.775.622.023	162.104.388
Tiền và trong đương tiền cuối kỳ	70	7.825.968.657	5.775.622.023

Người lập biểu



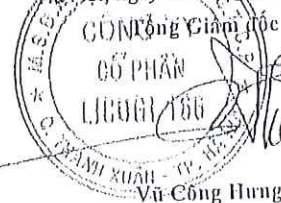
Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2019



Vũ Công Hưng